

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40 /2021/DS-PT
Ngày: 12-10-2021
“V/v: *Kiện đòi tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Thắng

Các Thẩm phán: Ông Phạm Hồng Thái

Bà Nguyễn Thúy Hằng

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Xuân Duy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân tỉnh Quảng Ninh: Bà Trần Thị Hương Huyền- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa

Ngày 12 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 48/2021/TLPT - DS ngày 07 tháng 9 năm 2021, về việc: “*Kiện đòi tài sản*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 27/2021/DS-ST ngày 27 - 7 – 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2021/QĐXXPT- DS, ngày 21 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Hồng T; địa chỉ: Tổ 3, khu 5, phường G, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

- Bị đơn: Chị Bùi Thị S; địa chỉ: Tổ 75, khu 7, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Trần Công B; địa chỉ: Tổ 75, khu 7, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

2. Anh Nguyễn Thành L; địa chỉ: Tổ 3, khu 5, phường G, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

Kháng cáo: Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Trần Công B.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai của nguyên đơn chị Trần Thị Hồng T trình bày: Tôi làm nghề kinh doanh hoa quả từ năm 2002 tại chợ G. Chị Bùi Thị S là người nhập hàng hoa quả của tôi để bán lại tại chợ B, phường G. Trong quá trình buôn bán là bạn hàng của nhau nên tôi có cho chị S nợ gói tiền hàng, thời gian đầu là mấy chục triệu, sau đó tăng dần lên đến năm 2014 số nợ được chốt là 424.750.000đ. Sau đó do là bạn hàng lâu năm nên tôi vẫn tạo điều kiện bán hàng cho chị S thì số tiền nợ đã tăng lên 552.900.000đ, sau nhiều lần tôi đòi thì chị S đã

trả và tính đến ngày 28/8/2019 còn nợ lại tôi là 510.900.000đ. Tôi đã đòi thì chị S và chồng là anh Trần Công B đã viết giấy bán ki ốt bán hoa quả tại chợ Ba Lan mang tên chị Bùi Thị S cho tôi để gán nợ và đưa giấy tờ cho tôi giữ. Sau đó lợi dụng lòng tin của tôi, chị S mượn lại ki ốt để kinh doanh tuy nhiên khi mượn lại được giấy tờ của tôi thì chị S lại bán ki ốt cho người khác nhưng không trả tiền cho tôi. Tôi đã đòi tiền rất nhiều lần nhưng chị S khất nần không chịu trả tôi tiền. Số tiền trên là số tiền chị S làm ăn buôn bán chi tiêu chung trong gia đình trong thời kỳ hôn nhân với anh B và anh B cũng tham gia bán hàng cùng với vợ nên tôi đề nghị cả chị S và anh B cùng phải chịu trách nhiệm trả nợ cho vợ chồng tôi số tiền là 510.900.000đ.

Bị đơn chị Bùi Thị S có lời khai trình bày: Tôi xác nhận hiện nay tôi còn nợ chị Trần Thị Hồng T số tiền 510.900.000đ chúng tôi đã chốt số nợ này ngày 28/8/2019, nguồn gốc số tiền này đúng như chị T trình bày là do chúng tôi làm ăn buôn bán hoa quả với nhau từ năm 2002 đến nay, do làm ăn khó khăn nên tôi nợ dồn tiền hoa quả của chị T, việc làm ăn buôn bán hoa quả chỉ một mình tôi làm và chi tiêu cho bản thân, tôi không mang số tiền này về chi tiêu cho gia đình, chồng tôi không biết về khoản nợ này. Do vậy tôi nhất trí một mình tôi sẽ có trách nhiệm trả nợ cho chị T số tiền trên, tuy nhiên do hiện nay tôi bị vỡ nợ, kinh tế khó khăn nên tôi xin được trả dần khoản tiền nợ trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Công B có quan điểm trình bày: Đối với khoản tiền nợ mà vợ tôi và chị T làm ăn buôn bán với nhau thì tôi không biết, tôi không tham gia vào việc buôn bán hoa quả với vợ tôi đây là việc riêng của vợ tôi với cô T, nên tôi không chịu trách nhiệm về khoản nợ này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Thành L có quan điểm trình bày: Tôi là chồng cô T, tôi làm nghề lái xe khách còn vợ tôi buôn bán hàng hoa quả, trong quá trình vợ tôi làm ăn buôn bán thì có bán và cho chị S nợ số tiền hàng hoa quả là 510.900.000đ, số tiền này tôi có biết và là tiền chung của vợ chồng tôi do đó tôi yêu cầu vợ chồng chị S, anh B cùng phải có trách nhiệm trả số tiền trên cho vợ chồng tôi.

Với nội dung tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 27/2021/DS-ST ngày: 27 - 7 - 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, xử:

Căn cứ: khoản 3 điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 280; 351; 357; 468; khoản 1 Điều 469 Bộ luật dân sự; khoản 1 điều 25, Điều 27, khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Hồng T.

Buộc chị Bùi Thị S và anh Trần Công B phải có trách nhiệm liên đới trả cho chị Trần Thị Hồng T và anh Nguyễn Thành L số tiền 510.900.000đ.

Kể từ ngày bên đương sự được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu bên phải thi hành án không trả đủ số tiền phải thanh toán thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Ngoài ra, bản án còn tuyên nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Kháng cáo: Ngày 10/8/2021, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Công B kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án buộc chị S có nghĩa vụ, anh không liên quan vì vợ chồng lý thân, anh không biết việc kinh doanh của chị S...

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm như sau:

1. Về tố tụng:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, Thư ký Tòa án và các Thẩm phán đã chấp hành đúng các Điều 285, 286, 294 BLTTDS trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Các đương sự đã thực hiện đúng các quyền lợi và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70, 71, 72, 73 và 234 BLTTDS.

2. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Trần Công B, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Trần Công B làm trong thời hạn luật định và kháng cáo trong phạm vi Bản án sơ thẩm nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Bản án dân sự sơ thẩm số: 27/2021/DS-ST ngày 27 /7/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long đã xác định đúng quan hệ pháp luật giải quyết, đúng những người tham gia tố tụng, các đương sự đã được thực hiện đầy đủ quyền nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Xét nội dung kháng cáo của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Trần Công B, Hội đồng xét xử thấy: Từ năm 2002, chị T giao hàng hoa quả cho chị S để bán lại tại chợ B, phường G. Hai bên xác nhận chốt nợ và chị S thừa nhận khoản nợ chị S còn nợ tính đến ngày 28/8/2019 còn nợ lại 510.900.000đ.

Anh B và chị S kết hôn năm 1993, trong quá trình chung sống thì anh Blàm công nhân của Điện lực Quảng Ninh, còn chị S buôn bán hoa quả ở chợ B từ những năm 2002. Việc buôn bán hoa quả là công việc chính của chị S trong thời kỳ hôn nhân và nó diễn ra trong một thời gian rất dài từ năm 2002 đến nay, nên không thể nói anh B không biết và không quan tâm đến thu nhập và thu nhập của chị S chỉ phục vụ riêng cho một mình chị S được, mà thu nhập từ công việc này là phục vụ chung cho gia đình anh B và chị S. Như vậy, thấy rằng mọi quyền lợi hoặc nghĩa vụ phát sinh từ công việc hợp pháp của vợ hoặc chồng trong thời kỳ hôn nhân đều là quyền và nghĩa vụ chung của vợ chồng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 25, Điều 27, khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình, thì: Nghĩa vụ đối với khoản nợ của chị T thì cả chị S và anh B cùng phải chịu trách nhiệm. Bản án sơ thẩm xác

định nghĩa vụ liên đới của chị Bùi Thị S và anh Trần Công B đối với khoản nợ của chị T là có căn cứ đúng pháp luật. Vì vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của anh B, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh tại phiên tòa có căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo của anh B không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Công B: giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 27/2021/DS-ST ngày 27 - 7 - 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 280; 351; 357; 468; khoản 1 Điều 469 Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 25, Điều 27, khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về án phí; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014, hợp nhất năm 2018).

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Hồng T.

1- Buộc chị Bùi Thị S và anh Trần Công B phải có trách nhiệm liên đới trả cho chị Trần Thị Hồng T và anh Nguyễn Thành L số tiền 510.900.000đ (năm trăm mười triệu chín trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không trả cho người được thi hành án số tiền nêu trên, thì người phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án cho đến khi thi hành xong theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 Bộ luật Dân sự 2015.

2- Án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm: Buộc chị Bùi Thị S và anh Trần Công B phải chịu 24.436.000đ, tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Trần Công B phải chịu 300.000đ, án phí dân sự phúc thẩm, được trừ 300.000đ, dự phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003896, ngày 19 tháng 8 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hạ Long.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự.

3- Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh;
- Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hạ Long;
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- Lưu hồ sơ, lưu văn phòng.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Ngô Văn Thắng

